

Bản án số: 92/2023/HS-ST
Ngày: 09-8- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Cường

Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thúy Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Kim Thủy; bà Trần Thị Thu Hoài; ông Vũ Xuân Kiều.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Vũ Tuấn Dũng Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2023/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Thông báo chuyển lịch xét xử số 73/2023/TB-TA ngày 25/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu B; sinh ngày 10/02/1988, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKKTT và chỗ ở: tổ G, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: lớp 10/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu M và bà Trần Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2011, bị TAND thành phố Cẩm Phả xử phạt 10 năm tù, về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”; Ngày 29/6/2017, bị TAND thành phố Hạ Long xử 03 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; ngày 27/9/2022, bị TAND tỉnh Hải Dương xử phạt 25 năm tù, về các tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” (Bản án đã có hiệu lực). Bị bắt ngày 27/11/2021 trong một vụ án khác, hiện tạm giam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Thị Trà M1, Công ty L1, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- **Bị hại:**

+ anh: Vũ Huy T, sinh năm 1995; nơi cư trú: số B tổ D khu C, phường B, H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ anh Phạm Mạnh H, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ I, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ anh Đinh Ngọc H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ A, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ chị Phạm Thanh H2, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ C khu Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

+ anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn N, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

+ anh Vũ Trọng T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ anh Nguyễn Huy P, sinh năm 1982, địa chỉ: phòng B -1A khu nhà ở H, K, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

+ anh Nguyễn Viết T2, sinh năm 1988, trú tại xóm M, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn B1, Trưởng Văn phòng C; địa chỉ: A L, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông bằng là ông Nguyễn Văn T3, Chánh văn phòng Văn phòng C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu B không có công ăn việc làm ổn định. B có quen biết với các anh: Vũ Huy T (sinh năm 1995, trú tại tổ C, khu C, phường B, thành phố H), anh Đinh Ngọc H1 (sinh năm 1989, trú tại tổ A, khu C, phường C, thành phố C) và anh Phạm Mạnh H (sinh năm 1971, trú tại tổ I, khu D, phường C, thành phố C) là những người làm nghề cho thuê xe ô tô tự lái. Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2021, B đã làm hợp đồng thuê xe ô tô tự lái của anh T, anh H1 và anh H. Sau khi nhận được xe, B đã thuê làm giả giấy tờ mua bán và giấy tờ xe, rồi mang bán để lấy tiền ăn tiêu, cụ thể như sau:

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Vụ thứ nhất: Tháng 3/2021, Nguyễn Hữu B thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 biển số 30G - 089.29, trị giá 927.350.808 đồng, của anh Vũ Huy T. Để làm phương tiện đi lại. Cả hai giao kết bằng lời nói, giá thuê xe là 1.300.000 đồng/ngày. Đến tháng 07/2021, B đặt vấn đề thuê chiếc xe ô tô trên theo tháng, với giá là 27.000.000 đồng/tháng, anh T đồng ý và giao cho B các giấy tờ xe. Quá trình thuê xe, B thanh toán tiền cho anh T đầy đủ. Đến tháng 09/2021, B nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô của anh T để lấy tiền ăn tiêu, B đã thuê một người không quen biết, làm giả 01 giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 biển số 30G-089.29 mang tên chủ xe là Nguyễn Hữu B và 01 CMTND mang tên Nguyễn Hữu B. Sau đó, B mang chiếc xe ô tô trên bán cho anh Nguyễn Huy P (sinh năm 1982, trú tại: phòng B -1A khu nhà ở H, K, quận H, thành phố Hà Nội với số tiền 400.000.000 đồng. Anh P yêu cầu Nguyễn Hữu B phải hoàn trả lại anh số tiền 400.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 02/11/2021, B thuê chiếc xe ô tô Chevrolet Colorado biển số 14L – 305.03, trị giá 647.914.200 đồng của anh Đinh Ngọc H1 để làm phương tiện đi lại, hai bên có làm hợp đồng thuê xe. Thời hạn thuê từ ngày 02/11/2021 đến ngày 12/11/2021, với giá là 1.000.000đồng/ngày (*nghiêm cấm B mang xe đi mua bán, cầm cố, thế chấp xe dưới mọi hình thức; nghiêm cấm giao xe cho người khác sử dụng*). Sau khi ký hợp đồng, anh H1 giao cho B xe ô tô cùng với các giấy tờ xe mang tên Lê Thị T4. Sau khi thuê được xe ô tô, B đã cho bạn là Nguyễn Việt T2 (sinh năm 1988, trú tại xóm M, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội) mượn chiếc xe ô tô trên để T2 mang cầm cố lấy 200.000.000đồng.

Tổng giá trị tài sản B lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt là 1.575.265.008đồng

Hành vi lừa đảo (chiếm đoạt chiếc xe KIA và MAZDA):

Vụ thứ nhất: chị **Phạm Thanh H2** là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09 trị giá 695.640.000đồng. Hiện chị **H2** đang thế chấp chiếc xe ô tô trên tại **Ngân hàng thương mại cổ phần Q - chi nhánh C1**, nên Ngân hàng giữ bản chính đăng ký xe còn giao xe ô tô cho chị **H2** quản lý sử dụng. Sau đó, chị **H2** đã giao chiếc xe ô tô trên cho anh trai là **Phạm Mạnh H** để làm dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái.

Mặc dù đang thuê xe ô tô của anh Vũ Huy T, nhưng ngày 18/5/2021 Nguyễn Hữu B nói dối anh H về việc thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09 để làm phương tiện đi lại. Khi thuê xe, cả hai có làm hợp đồng thuê xe bằng văn bản, thời hạn thuê là 03 tháng, giá 15.000.000đồng/tháng và B không được bán, cầm cố... chiếc xe ô tô trên, B đã thanh toán cho anh H số tiền là 28.000.000đồng. Sau đó, anh H giao cho B xe ô tô cùng với giấy tờ xe. Ngay sau khi thuê được xe, B thuê một người không quen biết viết 01 giấy bán xe, với nội dung: chị Phạm Thanh H2 bán cho Nguyễn Hữu B 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09. Sau đó, đến ngày 03/7/2021, B đã đặt làm giả 01 bản hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09 giữa anh Nguyễn Mạnh H3 cùng vợ là Phạm Thanh H2 với Nguyễn Hữu B có Văn phòng C, thành phố Hải Phòng chứng thực, đồng thời Bình thuê làm giả: 01 giấy đăng ký xe ô tô số 000140 mang tên Phạm Thanh H2; 01 bản photo CMTND số 100761995 mang tên Nguyễn Mạnh H3; 01 CMTND số 100762914 mang tên Phạm Thanh H2; 01 sổ hộ khẩu số 500141630 của gia đình chị Phạm Thanh H2. Đến ngày 13/9/2021, B đã bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09 cho anh Nguyễn Văn K (sinh năm 1974, trú tại thôn N, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương) với giá 500.000.000đồng. Khi bán xe, B viết giấy bán xe, đồng thời giao cho anh K số giấy tờ giả liên quan đến xe ô tô và giấy tờ tùy thân của chị H2. Nay anh K yêu cầu B phải hoàn trả lại số tiền 480.000.000đồng.

Vụ thứ hai:

Chị Lê Thị T4 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số 14A - 544.14, trị giá 661.584.000đồng. Hiện chị T4 và chồng là anh Đinh Ngọc H1 đang thế chấp chiếc xe ô tô trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần C2 - chi nhánh C3 Phả, nên Ngân hàng giữ bản chính đăng ký xe ô tô, còn giao xe ô tô cho chị T4 quản lý và sử dụng. Sau đó, anh H1 sử dụng chiếc xe ô tô trên làm dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái.

Tháng 07/2021, Nguyễn Hữu B nói dối anh H1 để thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 biển số 14A - 544.41 làm phương tiện đi lại. Cả hai có làm hợp đồng thuê xe, nội dung thể hiện: anh H1 cho B thuê xe với thời hạn 01 tháng, với giá 24.000.000đồng/tháng và B không được bán, cầm cố... chiếc xe ô tô trên. Khi giao xe ô tô cho B, anh H1 đưa cho Bình bản phô tô giấy tờ xe. Khi hết thời hạn thuê xe, B gọi điện cho anh H1 xin thuê xe tiếp, anh H1 đồng ý. Đến đầu tháng 10/2021, B thuê 01 người không quen biết làm giả 01 đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số 14A - 544.41. Sau đó, B tiếp tục thuê làm giả 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô, thể hiện chị Lê Thị T4 bán cho B chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển số 14A-544.41 với giá 40.000.000đồng, hợp đồng có công chứng của Công chứng viên Văn phòng C, thành phố Hải Phòng chứng thực. Đến ngày 12/10/2021, B đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Vũ Trọng T1 ở thị trấn L, C, Hải Dương với giá 360.000.000đồng. Khi bán xe, B viết giấy bán xe, đồng thời đưa cho anh T1 sổ giấy tờ gồm: Hợp đồng mua bán xe giữa chị T4 và B, giấy đăng ký xe (bản giả), bản chính đăng kiểm và bảo hiểm của xe.

Tổng giá trị tài sản B lừa đảo chiếm đoạt là 1.357.224.000đồng .

Công an tỉnh Q đã tạm giữ 04 chiếc xe ô tô, gồm: xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 biển số 30G - 089.29, xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09, xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển số 14A - 544.14 và xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado biển số 14L - 30503. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã trả lại cho các chủ sở hữu. trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các anh Nguyễn Huy P yêu cầu bồi thường số tiền 400.000.000đồng, Nguyễn Văn K yêu cầu bồi thường số tiền 480.000.000đồng. Nguyễn Hữu B chưa bồi thường cho ai (*các anh Vũ Huy T, anh Vũ Trọng T1, Phạm Mạnh H và anh Đinh Ngọc H1 không yêu cầu bồi thường*).

Bản cáo trạng số 58/CT-VKSQN-P2 ngày 24/05/2023 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự; tội “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo B thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là đúng, không oan. Lời khai của bị cáo tại cơ quan Công an là chính xác, khách quan. Khi hỏi cung có sự tham gia của Luật sư. Bị cáo đồng ý trả lại anh Nguyễn Huy P 400.000.000đồng, anh Nguyễn Văn K 480.000.000đồng.

Ý kiến của bị hại, anh Đinh Ngọc H1: nội dung việc bị cáo thuê xe ô tô của anh như bản Cáo trạng nêu là đúng. Về hình phạt, bồi thường anh H1 không đề nghị gì, không yêu cầu bồi thường gì. Cơ quan Công an đã trả lại xe ô tô cho anh.

Người liên quan: anh Nguyễn Văn K yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 480.000.000đồng.

Người liên quan chị Phạm Thanh H2 không yêu cầu gì.

Người liên quan ông Trần Văn B1: khi công chứng các hợp đồng mua bán xe văn phòng công chứng không biết các giấy tờ B đưa ra là giả, không biết tài sản B giao dịch mua bán là do B lừa đảo mà có. Về bồi thường Văn phòng Công chứng không yêu cầu gì.

Quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh: tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là đúng, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra. Nên về tội danh Viện kiểm sát giữ nguyên như bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 14 đến 15 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; từ 04 đến 05 năm tù về tội “*Làm giả, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tổng hợp với hình phạt của bản án số 53/2022/HS-ST ngày 27/9/2022, của TAND tỉnh Hải Dương. Đề nghị xử lý án phí, vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại, người liên quan.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: về tội danh, điều luật VKS áp dụng truy tố bị cáo, Luật sư không ý kiến gì. Về hình phạt đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo khai báo thành khẩn, các xe ô tô đã được thu hồi trả lại bị hại.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Một số người bị hại, người liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vì họ đã được trình bày ý kiến, quan điểm trong quá trình điều tra, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tòa án xét xử vắng mặt một số người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tội danh: căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người liên quan, nhân chứng, kết quả nhận dạng, kết quả xác minh, kết quả đối chất, hồ sơ mua bán ô tô, kết luận định giám định của Phòng K1 Công an tỉnh Q và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2021, trên địa bàn thành phố H và thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Hữu B đã có hành vi lừa dối để chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09, trị giá 695.640.000đồng của anh Phạm Mạnh H và xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển số 14A -

544.14, trị giá 661.584.000đồng của anh Đinh Ngọc H1. Tổng giá trị tài sản B chiếm đoạt là 1.357.224.000 đồng.

Nguyễn Hữu B còn có hành vi thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0 biển số 30G - 089.29, trị giá 927.350.808 đồng của anh Vũ Huy T và chiếc xe ô tô Chevrolet Colorado biển số 14L - 30503, trị giá 647.914.200đồng của anh Đinh Ngọc H1 để sử dụng. Nhưng quá trình sử dụng, B đã mang bán và cho người khác mượn để cầm cố, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho người cho thuê xe. Tổng giá trị tài sản B chiếm đoạt là 1.575.265.008 đồng

Ngoài ra, Nguyễn Hữu B còn có hành vi thuê người khác làm giả 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 03 giấy tờ và hợp đồng mua bán xe, chứng minh thư nhân dân của các chị Phạm Thanh H2, chị Lê Thị T4, anh Nguyễn Mạnh H3 và chứng minh thư nhân dân của B và B đã sử dụng các giấy tờ giả này vào việc mua bán các ô tô trên.

Hành vi thuê người làm giả và sử dụng giấy tờ giả của bị cáo B đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, hành vi của bị cáo B đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi bị cáo B thuê xe ô tô để sử dụng nhưng sau đó lại mang bán, cho người khác mượn để cầm cố dẫn đến không trả lại được xe cho người cho thuê của bị cáo B là hành vi sử dụng bất hợp pháp tài sản đi thuê. Đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi bị cáo B đưa ra thông tin giả dối để chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 14A - 530.09 của anh Phạm Mạnh H và chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển số 14A - 544.14 của anh Đinh Ngọc H1. Đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

[3] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của nhiều người, chưa lần nào bị xét xử nên phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải.

[5] Về trả lại tiền chiếm đoạt: bị cáo là người chiếm đoạt bất hợp pháp 4 chiếc ô tô của người bị hại, sau đó bị cáo làm giả giấy tờ xe để bán xe cho người khác, nay cả 4 chiếc ô tô đã bị thu trả lại cho bị hại. Như vậy bị cáo là người chiếm đoạt tiền bất hợp pháp của người mua xe, đồng thời gây thiệt hại cho bị hại, nên theo Điều 48 BLHS thì bị cáo có nghĩa vụ trả lại tiền cho người liên quan, bị hại. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại, người liên quan thỏa thuận bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Huy P 400.000.000đồng, anh Nguyễn Văn K 480.000.000 đồng. Sự thỏa thuận này là tự nguyện đúng pháp luật nên được chấp nhận. Còn những người khác không yêu cầu bồi thường, trả lại tiền nên không xem xét trong bản án này.

[6] Về vật chứng: cơ quan Công an đã thu được 4 chiếc ô tô mà bị cáo B chiếm đoạt, đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập xem xét.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hữu B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1; 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B 14 (Mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 13 (Mười ba) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và 04 (Bốn) năm tù về tội “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt này với hình phạt 25 (Hai lăm) năm tù của bản án số 53/2022/HS-ST ngày 27/9/2022, do TAND tỉnh Hải Dương xét xử. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **30 (Ba mươi) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2021.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo Nguyễn Hữu B phải trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Huy P số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), anh Nguyễn Văn K số tiền 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí: buộc bị cáo Nguyễn Hữu B phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 38.400.000đ (Ba tám triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Ninh;
- TTG CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường